

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN SÌN HỒ

TỈNH LAI CHÂU

Bản án số: 01/2019/HS-ST

Ngày 05 tháng 01 năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Hằng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đông và Ông Sùng A Nhè

Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Trung Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Tẩn Lưu Ngan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 43/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo: **Lò Văn S** sinh ngày 27 tháng 6 năm 2001; nơi sinh: huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; nơi cư trú: thôn CN, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh LC; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Th; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn D và bà Lò Thị P; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 07 tháng 12 năm 2018, tạm giam từ ngày 10 tháng 12 năm 2018 đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Lò Thị P; sinh năm: 1979; nơi cư trú: thôn CN, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh LC; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Nga

Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý của Nhà nước, tỉnh Lai Châu; có mặt.

Người bị hại:

Lường Thị T; sinh năm: 1977; nơi cư trú: bản CC4, xã CN, huyện SH, tỉnh LC; vắng mặt (có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23 tháng 6 năm 2018 Lò Văn S đến nhà bác của Sơn là Lường Thị T chơi và ở lại nhà bà T. Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 26 tháng 6 năm 2018, khi gia đình bà T đi vắng, S vào buồng ngủ của vợ chồng bà T mở chiếc hòm nhôm ở góc giường ra xem (hòm không khóa) thấy bên trong có một chiếc khăn tay màu trắng, bên trong có bốn hộp nhỏ màu cam, loại hộp thường dùng để đựng đồ trang sức. S mở hộp ra thấy 1 hộp bên trong có một chiếc hộp đựng dây chuyền vàng, một hộp đựng một đôi hoa tai vàng, xem xong S đóng nắp hộp gói vào trong khăn tay, cho vào hòm và đóng chiếc hòm nhôm lại như cũ. Đến khoảng 14 giờ ngày 17 tháng 6 năm 2018, khi vợ chồng bà T đi vắng, trong nhà chỉ có S và con của bà T là Lường Văn H (sinh năm 2006) ở nhà. Thấy H đang rửa bát ở dưới gầm sàn, S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đi vào buồng ngủ của vợ chồng bà T, S mở chiếc hòm nhôm và mở hai chiếc hộp đựng đồ trang sức ra lấy một sợi dây chuyền và một đôi khuyên tai bằng vàng cất giấu vào túi quần bên phải đang mặc. S đóng nắp hộp đựng đồ trang sức, cho vào hòm nhôm rồi đóng nắp hòm lại như cũ. Khi đã trộm cắp được tài sản, S đi ra khỏi nhà bà T để về nhà. S đi đến ngã ba Chấn Nưa định đón xe khách về huyện Phong Thổ thì gặp Lò Văn T1 là bạn của S, T1 rủ S về nhà T1 ở bản Chiềng Chấn 4, xã Chấn Nưa chơi thì S đồng ý. Đến buổi trưa ngày 28 tháng 6 năm 2018, khi bà T phát hiện bị mất tài sản đã đi tìm S để hỏi, S thừa nhận đã trộm cắp tài sản và trả lại cho bà T toàn bộ số tài sản trộm cắp là một dây chuyền và một đôi khuyên tai bằng vàng.

Tại bản kết luận giám định tài sản số: 3608/C54 (P4) ngày 02 tháng 7 năm 2018, Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát kết luận: 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng gửi giám định có khối lượng 3,75 gam là vàng (Au), hàm lượng Au trung bình: 99,19T; ngoài ra còn có đồng (Cu), hàm lượng Cu trung bình 0,81%; 01 đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng gửi giám định có tổng khối lượng 1,88 gam là vàng (Au), hàm lượng Au trung bình: 99,84%; ngoài ra còn có đồng (Cu), hàm lượng Cu trung bình: 0,16%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17 ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng vàng có khối lượng 3,75 gam có trị giá là 3.600.000 đồng (bao gồm cả tiền công chế tác); 01 đôi khuyên tai bằng vàng có khối lượng 1,88 gam có trị giá là 1.804.680 đồng (bao gồm cả công chế tác); tổng tài sản bị cáo trộm cắp có trị giá là 5.404.680 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 48/CT-VKSSH ngày 16 tháng 10 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu để xét xử bị can Lò Văn S về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã truy tố; không oan, không sai.

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ghi ngày 15 tháng 11 năm 2018, người bị hại Lương Thị T trình bày: bà T đã được bị cáo S trả lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu, đề nghị gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, người bị hại Lương Thị T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng: Bị cáo trộm cắp tài sản khi tuổi đời chưa đủ 18 tuổi, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp (9/12), bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhận thức pháp luật, nhận thức xã hội có phần hạn chế. Chị Lương Thị T là người bị hại trong vụ án có yêu cầu xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị áp dụng mức thấp nhất của hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo; miễn án phí đối với bị cáo.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố, bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 98 và Điều 100 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ; xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, miễn hình phạt tiền cho bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự; trách nhiệm dân sự: người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự thủ tục tố tụng hình sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Vào hồi 14 giờ ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại nhà ở của gia đình bà Lương Thị T tại bản CC4, xã CN, huyện SH, tỉnh LC, bị cáo Lò Văn S đã lợi dụng gia đình bà T đi vắng, chỉ

còn cháu Lò Văn H mới 12 tuổi là con đẻ của bà T ở nhà nhưng đang rửa bát dưới gầm sàn để lén lút chiếm đoạt của bà T 01 dây chuyền bằng vàng có trị giá 3.600.000 đồng và 01 đôi khuyên tai bằng vàng có trị giá 1.804.680 đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp có trị giá là 5.404.680 đồng. Mục đích bị cáo trộm cắp tài sản là để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do vậy, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Lò Văn S đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Những chứng cứ buộc tội, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp lý và phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện, phù hợp với nhân thân của bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa tại phiên tòa về việc đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị về việc áp dụng hình phạt, mức hình phạt, đề nghị miễn án phí đối với bị cáo là có căn cứ pháp lý, phù hợp với mức độ nguy hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho xã hội, phù hợp với nhân thân của bị cáo, nên được chấp nhận toàn bộ.

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức xã hội. Vì nông nổi nhất thời, không kìm được lòng tham nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, chưa nhận thức đầy đủ về mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội đã thực hiện. Căn cứ vào Điều 91, Điều 98 của Bộ luật hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo đủ để bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa của bị cáo là 9/12 nên nhận thức có phần hạn chế. Người bị hại Lương Thị T có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng trong pháp luật của Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo, theo quy định tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

Tại Quyết định xử lý vật chứng số: 18/QĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã căn cứ vào các Điều 36, 39 và Điều 106 của Bộ luật Hình sự đã trả lại toàn bộ vật chứng trong vụ án gồm: 01 sợi dây chuyền vàng; 01 đôi khuyên tai; 01 chiếc khăn bằng vải màu trắng viền màu xanh, cũ, đã qua sử dụng; 02 chiếc hộp đựng vàng bạc đá quý màu cam, trong đó có 01 hộp hình tròn, 01 hộp hình trái tim cho người bị hại Lường Thị T. Ngày 13 tháng 9 năm 2018 người bị hại Lường Thị T đã nhận được toàn bộ những vật chứng trên và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm. Hội đồng xét xử không xem xét thêm vấn đề xử lý vật chứng trong vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự của bị cáo và người bị hại trong vụ án này.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[10] Về trách nhiệm của người có liên quan:

Đối với Lò Văn T1 (sinh năm 2000; nơi cư trú: bản Chiềng Chăn 4, xã Chăn Nưa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu) là người đã rủ S đến nhà chơi. Nhưng T1 không biết S đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đang cất giấu tài sản do trộm cắp mà có, nên T1 không phạm tội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 36, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 98 và Điều 100 của Bộ luật Hình sự,

1. Tuyên bố: bị cáo Lò Văn Sơn phạm tội “Trộm cắp tài sản”,

Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 30 ngày, nên bị cáo được trừ 90 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành bản án và trích lục bản án.

Giao bị cáo Lò Văn S cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Lò Văn S có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo Lò Văn S phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lò Văn S, vì bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội.

2. Án phí sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05 tháng 01 năm 2019); người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- CQCSĐT CA huyện Sìn Hồ;
- CQTHAHS CA huyện Sìn Hồ;
- CC THADS huyện Sìn Hồ;
- UBND tt Phong Thổ;
- UBND xã Chăn Nưa;
- Bị cáo; người ĐDHP của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Hằng Hải